

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đầu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j = \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T = \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100.

E-HSDT được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được chuyển sang đánh giá về mặt tài chính khi: Có tổng số điểm đánh giá $\geq 70\%$ tổng số điểm tối đa và điểm của từng tiêu chuẩn đánh giá tổng quát phải đáp ứng quy định về số điểm tối thiểu của từng tiêu chí tổng quát (nếu có).

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa/điểm chi tiết	Mức điểm tối thiểu
A	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	45	31,5
1	Tính pháp lý và Uy tín của nhà thầu	15	10,5

1.1	Nhà thầu phải có giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. Trong đó có nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy, nổ <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.</i>	5	
	Không đáp ứng yêu cầu	0	
	Đáp ứng yêu cầu	5	
1.2	Uy tín của nhà thầu: Nhà thầu cam kết bằng văn bản không vi phạm các kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2015/NĐ-CP ngày 04/08/2025 và các văn bản cam kết theo yêu cầu tại Chương V E-HSMT <i>* Trường hợp liên danh từng nhà thầu trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này.</i>	5	
	Không có cam kết	0	
	Có cam kết bằng văn bản	5	
1.3	Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu	5	
	Nhà thầu Không có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng hoặc có chứng nhận quản lý chất lượng nhưng hết hiệu lực	0	
	Nhà thầu có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu	3	
	<i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Trường hợp nhà thầu độc lập hoặc thành viên đứng đầu liên danh được xếp hạng tín nhiệm tài chính cho năm tài chính gần nhất thì nhà thầu hoặc liên danh đó được cộng thêm 2 điểm ở mục đánh giá này.</i>	2	
2	Năng lực Kinh nghiệm của nhà thầu	14	9,8
2.1	Số lượng các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc hoặc hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt hoặc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ thuộc nhà chung cư, nhà tập thể, nhà đa năng hoặc hỗn hợp trừ nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong khoảng thời gian từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu.	7	
	Dưới 01 hợp đồng	0	
	Từ 01 hợp đồng đến 03 hợp đồng	3,5	
	Trên 03 hợp đồng	5	

	* Trong trường hợp liên danh, được tính bằng tổng số hợp đồng của các thành viên trong liên danh. Hợp đồng tương tự được tính theo 01 chu kỳ (01 năm). Các thành viên trong liên nộ cùng 01 hợp đồng giống nhau thì chỉ được tính là 01 hợp đồng. Trường hợp nhà thầu độc lập hoặc thành viên đứng đầu liên danh có hợp đồng bảo hiểm đáp ứng yêu cầu nêu trên và có giá trị hợp đồng trên 782 triệu đồng thì điểm của nhà thầu/liên danh đó được tính theo thang điểm như trên và được cộng thêm 2 điểm.	2	
2.2	Số lượng các vụ việc nhà thầu đã hoàn thành giải quyết bồi thường hoặc đang trong quá trình giải quyết bồi thường đối với các tổn thất liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc hoặc hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt hoặc mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) có số tiền bồi thường từ 01 tỷ đồng trở lên trong khoảng thời gian kể từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu * Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh kèm theo: báo cáo giám định, thông báo bồi thường, thông báo chấp nhận bồi thường, chứng từ chứng minh đã thanh toán tiền bồi thường hoặc ước bồi thường hoặc tài liệu pháp lý khác tương đương. Trường hợp nhà thầu không cung cấp tài liệu chứng minh hoặc tài liệu không đầy đủ rõ ràng thì vụ việc đó không được xem xét đánh giá	7	
	Dưới 01 vụ việc	0	
	Từ 01 vụ việc đến 03 vụ việc	3,5	
	Trên 03 vụ việc trở lên	5	
	* Trong trường hợp liên danh, được tính bằng tổng vụ của các thành viên trong liên danh. Trường hợp nhà thầu độc lập hoặc thành viên đứng đầu liên danh có vụ việc đã giải quyết tổn thất đáp ứng yêu cầu nêu trên thì điểm của nhà thầu/liên danh đó được tính theo thang điểm như trên và được cộng thêm 2 điểm	2	
3	Năng lực tài chính * Nhà thầu cung cấp báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán trong 03 năm 2023,2024,2025. * Trường hợp liên danh đánh giá đối với thành viên đứng đầu trong liên danh	16	11,2
3.1	Vốn điều lệ (VĐL) tại thời điểm 31/12/2025.	4	
	VĐL < 400 tỷ đồng	1,5	
	400 tỷ đồng ≤ VĐL < 800 tỷ đồng	2	
	800 tỷ đồng ≤ VĐL < 1.200 tỷ đồng	2,8	
	1.200 tỷ đồng ≤ VĐL	4	

3.2	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm từng năm trong 03 năm 2023,2024,2025	4	
	Cả 3 năm lợi nhuận ≤ 0	1,5	
	Có 1 năm lợi nhuận ≥ 0	2	
	Có 2 năm lợi nhuận ≥ 0	2,8	
	Cả 3 năm lợi nhuận ≥ 0	4	
3.3	Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân trong 03 năm 2023,2024,2025	4	
	Dưới 5%	1,5	
	Từ 5% đến dưới 7%	2	
	Từ 7% đến dưới 9%	2,8	
	Từ 9% trở lên	4	
3.4	Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc bình quân 03 năm	4	
	Tăng trưởng âm	1,5	
	Từ 0% đến dưới 3%	2	
	Từ 3% đến dưới 5%	2,8	
	Từ 5% trở lên	4	
B	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ BẢO HIỂM	55	38,5
1	Chương trình bảo hiểm (bao gồm thực hiện + thu xếp tái bảo hiểm + quy trình giải quyết bồi thường)	19	13,3
1.1	Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu trong suốt toàn bộ thời hạn bảo hiểm: - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Sơ đồ thể hiện quy trình - Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Người mua bảo hiểm - Công ty môi giới bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập. - Thuyết minh sơ đồ thể hiện quy trình và sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan; - Tổ chức triển khai hướng dẫn người được bảo hiểm các điều khoản, điều kiện bảo hiểm, cách thức xử lý khi có tổn thất xảy ra (hướng dẫn thực hiện hợp đồng) - Quy trình gia hạn hiệu lực bảo hiểm; Phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn. Cam kết mức phí bảo hiểm bổ sung trong thời gian gia hạn không được vượt quá mức phí và tỷ lệ phí theo hợp đồng đã giao kết.	5	
	Nhà thầu không đề xuất trình bày các quy trình sơ đồ thể hiện sự liên kết giữa các đối tượng liên quan	0	

	Nhà thầu đề xuất trình bày các quy trình, sơ đồ không cụ thể rõ ràng không đầy đủ thông tin, không đáp ứng quy định, không phù hợp với gói thầu đang xét.	3,5	
	Nhà thầu đề xuất và trình bày các quy trình sơ đồ đầy đủ rõ ràng, chi tiết và thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa tất cả mọi đối tượng liên quan chương trình bảo hiểm của gói thầu	5	
1.2	Quy trình tổ chức về giải quyết bồi thường: - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu, có Sơ đồ thể hiện quy trình, Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Người mua bảo hiểm - Công ty môi giới bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập; Tài liệu hướng dẫn Người được bảo hiểm yêu cầu bồi thường khi phát sinh sự kiện bảo hiểm (hồ sơ bồi thường bảo hiểm theo quy định tại NĐ 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023); thời gian tối đa từng giai đoạn trong quy trình giải quyết bồi thường, thời gian gửi thông báo bằng văn bản khi xảy ra tổn thất theo quy định. - Quy trình giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	5	
	Không có quy trình, tài liệu hướng dẫn Người được bảo hiểm.	0	
	Có quy trình và tài liệu hướng dẫn nhưng không cụ thể rõ ràng, không đầy đủ thông tin, không đáp ứng quy định, không phù hợp với gói thầu đang xét, không đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	3,5	
	Quy trình rõ ràng đầy đủ nội dung và thể hiện được mối liên hệ giữa các bên liên quan đến gói thầu. Tài liệu hướng dẫn thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung, có thời gian giải quyết đối với từng giai đoạn, giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	5	
1.3	Thời gian thanh toán bồi thường, trả tiền bảo hiểm kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm	3	
	≥ 15 ngày	1	
	< 15 ngày	3	
1.4	Đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với gói thầu	3	
	Không đề xuất hoặc đề xuất từ 05 công ty giám định độc lập trở xuống	1	
	Nhà thầu đề xuất trên 05 công ty giám định độc lập	3	

1.5	Điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất	3	
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường $\leq 76\%$	1	
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường $> 76\%$	3	
2	Yêu cầu về bảo hiểm, thu xếp bảo hiểm.	24	16,8
2.1	Yêu cầu về bản chào phí bảo hiểm bao gồm: điều kiện, điều khoản bảo hiểm, nội dung chi tiết điều các điều khoản bổ sung và quy tắc bảo hiểm của nhà thầu; dự thảo hợp đồng bảo hiểm, dự thảo giấy chứng nhận bảo hiểm.	5	
	Không có Bản chào phí bảo hiểm theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	0	
	Có Bản chào phí bảo hiểm nhưng không đầy đủ nội dung theo yêu cầu hoặc không đáp ứng quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	3,5	
	Có Bản chào phí bảo hiểm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu và đáp ứng quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	5	
2.2	Tỷ lệ phí, phí bảo hiểm và mức khấu trừ	5	
	Không tuân thủ theo quy định tại nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025	0	
	Tuân thủ theo quy định tại nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025	5	
2.3	- Có chương trình thu xếp bảo hiểm, trong đó + Nêu chi tiết tên và tỷ lệ nhận của từng nhà tái bảo hiểm (nếu có), tỷ lệ giữ lại của nhà thầu. + Nêu rõ tên của nhà tái bảo hiểm đứng đầu của gói thầu (nếu có) + Thu xếp đủ 100% số tiền bảo hiểm của gói thầu	5	
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	0	
	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	5	
2.4	Mức giữ lại tối đa <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.</i>	3	
	$>10\%$ vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025	0	
	$\leq 10\%$ vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025	3	

2.5	Xếp hạng tín nhiệm tài chính của nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài theo sau nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm của gói thầu bởi Standard & Poor hoặc được xếp hạng tương đương bởi các tổ chức xếp hạng khác như A.M.Best, Moody's, Fitch... cho năm tài chính gần nhất. <i>* Nhà thầu phải cung cấp bảng xếp hạng mới nhất của các tổ chức quốc tế để chứng minh vị trí xếp hạng của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm. Trường hợp nhà thầu chỉ kê khai xếp hạng của nhà tái bảo hiểm và không cung cấp bảng xếp hạng của nhà tái bảo hiểm và không cung cấp bảng xếp hạng tái của các tổ chức quốc tế để chứng minh thì chỉ được tính 50% mức điểm đạt được ở mục này.</i> <i>* Trường hợp chương trình thu xếp bảo hiểm của nhà thầu không có nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài theo sau nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này.</i> <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này</i>	3	
	Xếp hạng của Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm dưới mức "B++" theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	0	
	Xếp hạng của Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm từ mức "B++" trở lên theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	3	
2.6	Bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm (Bản chào tái bảo hiểm tạm thời/Cam kết tái bảo hiểm đối với công ty tái bảo hiểm trong nước/ Bản xác nhận hợp đồng tái cố định/Hợp đồng tái cố định) <i>* Trường hợp nhà thầu giữ lại 100% mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này. Trường hợp nhà thầu không cung cấp bản dịch bằng tiếng việt thì chỉ được tính 50% mức điểm đánh giá.</i>	3	
	Không có bản xác nhận	0	
	Có bản xác nhận	3	

3	Phạm vi, điều kiện bảo hiểm	12	8,4
3.1	Phạm vi bảo hiểm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	6	
3.2	Mỗi điều kiện, điều khoản bổ sung hoặc Giới hạn trách nhiệm (GHTN) do nhà thầu đề xuất có lợi cho Chủ đầu tư được cộng thêm 1 điểm nhưng tối đa không quá 3 điểm (không kể điều khoản quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT). Mỗi điều khoản bổ sung bất lợi cho Chủ đầu tư sẽ bị trừ đi 01 điểm (không trừ điểm đối với các điểm loại trừ được nêu ra tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT)	3	
3.3	- Nhà thầu độc lập/thành viên đứng đầu liên danh thuộc doanh nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cộng thêm 1 điểm (Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/08/2021) - Nhà thầu độc lập/thành viên đứng đầu liên danh có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu được cộng thêm 1 điểm (đánh giá đối với thành viên đứng đầu liên danh) - Nhà thầu độc lập/thành viên đứng đầu liên danh có sử dụng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực được cộng thêm 1 điểm	3	
Tổng số điểm		100	70

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không áp dụng